

Số: 2677/QĐ-ĐHLHN

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh
- Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý của Trường Đại học Luật Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-BTP ngày 07 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Luật Hà Nội;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trường phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý của Trường Đại học Luật Hà Nội áp dụng cho các khoá tuyển sinh từ năm học 2021-2022.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2595/QĐ-ĐHLHN ngày 21 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội.

Điều 3. Trường Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo và Khảo thí, Trường các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ibaut*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Đảng uỷ (để b/c);
- HĐ Trường (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo t/h);
- Lưu: VT, ĐBCLĐT&KT.

HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Trung Kiên

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH PHÁP LÝ

Mã ngành đào tạo: 7220201

HÀ NỘI - 2021

1. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Luật Hà Nội
- Tên gọi của văn bằng: Cử nhân Ngôn ngữ Anh
- Tên chương trình đào tạo: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý
- Mã ngành đào tạo: 7220201
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Phương thức đào tạo: Tín chỉ
- Hình thức tổ chức đào tạo: Trực tiếp kết hợp trực tuyến
- Thời điểm điều chỉnh chương trình đào tạo: Tháng 6/2021

2. SỨ MẠNG, TÂM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

2.1. Sứ mạng của Trường Đại học Luật Hà Nội

Trường Đại học Luật Hà Nội có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao; nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm khoa học pháp lý có chất lượng cao và truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2.2. Tâm nhìn đến năm 2030 của Trường Đại học Luật Hà Nội

Trường Đại học Luật Hà Nội trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu; trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.

2.3. Giá trị cốt lõi

Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập

2.4. Triết lý giáo dục

Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.

3. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh – Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý của Trường Đại học Luật Hà Nội được xây dựng nhằm đào tạo cử nhân ngôn ngữ có kiến thức về ngôn ngữ Anh và kiến thức tiếng Anh pháp lý; có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng nghề nghiệp để hoạt động hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đặc biệt là tiếng Anh pháp lý đáp ứng được yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- **G1:** Cử nhân Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý có kiến thức rộng về ngôn ngữ học Anh, văn hóa, xã hội, văn học Anh - Mỹ.

- **G2:** Cử nhân Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý có kiến thức cơ bản về pháp luật liên quan đến một số lĩnh vực trong đời sống xã hội.

- **G3:** Cử nhân Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý có thể sử dụng tiếng Anh cơ sở và nâng cao ở mức độ thành thạo tương đương bậc 5/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong các tình huống giao tiếp xã hội và công việc.

- **G4:** Cử nhân Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý có thể sử dụng tiếng Anh pháp lý trong môi trường pháp lý như trong hoạt động nghề luật, soạn thảo hợp đồng và biên-phiên dịch liên quan đến một số lĩnh vực trong đời sống xã hội như giáo dục, nghiên cứu, văn hóa, kinh tế, xã hội.

- **G5:** Cử nhân Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý được rèn luyện và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn như giảng dạy tiếng Anh, hỗ trợ ngôn ngữ trong hoạt động nghề luật, soạn thảo hợp đồng và biên-phiên dịch liên quan đến một số lĩnh vực trong đời sống xã hội như giáo dục, nghiên cứu, văn hóa, kinh tế, xã hội, pháp luật.

- **G6:** Cử nhân Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý được rèn luyện kỹ năng học tập và tự học hiệu quả để mở rộng kiến thức và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cơ sở, tiếng Anh pháp lý và các kỹ năng xã hội cần thiết đáp ứng được yêu cầu của xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế và thời kỳ chuyển đổi số.

- **G7:** Cử nhân Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý được bồi dưỡng thái độ và ý thức tích cực đối với việc học tập và nghề nghiệp.

3.3. Ma trận tương thích của Mục tiêu đào tạo với Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục của Trường

Mục tiêu CTĐT	Sứ mạng	Tầm nhìn	Giá trị cốt lõi	Triết lý giáo dục
Mục tiêu G1: Cử nhân Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý có kiến thức rộng về ngôn ngữ học Anh, văn hóa, xã hội, văn học Anh - Mỹ.	<i>Hội nhập quốc tế.</i>	<i>- Có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.</i>	<i>Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.</i>	<i>Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.</i>

<p>Mục tiêu G2:</p> <p>Cử nhân Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý có kiến thức cơ bản về pháp luật liên quan đến một số lĩnh vực trong đời sống xã hội.</p>		<p><i>Truyền bá tư tưởng pháp lý phục vụ sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.</i></p>	<p><i>Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.</i></p>	<p><i>Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.</i></p>
<p>Mục tiêu G3:</p> <p>Cử nhân Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý có thể sử dụng tiếng Anh cơ sở và nâng cao ở mức độ thành thạo tương đương bậc 5/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong các tình huống giao tiếp xã hội và công việc.</p>		<p><i>Có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.</i></p>	<p><i>Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.</i></p>	<p><i>Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.</i></p>
<p>Mục tiêu G4:</p> <p>Cử nhân Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý có thể sử dụng tiếng Anh pháp lý trong môi trường pháp lý như trong hoạt động nghề luật, soạn thảo hợp đồng và biên-phiên dịch liên quan đến một số lĩnh vực trong đời sống xã hội như giáo dục, nghiên cứu, văn hóa, kinh tế, xã hội.</p>	<p><i>- Đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao.</i> <i>- Hội nhập quốc tế.</i></p>	<p><i>Trở thành trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, trung tâm nghiên cứu và truyền bá tư tưởng pháp lý hàng đầu của Việt Nam, có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.</i></p>	<p><i>Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.</i></p>	<p><i>Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.</i></p>

<p>Mục tiêu G5:</p> <p>Cử nhân Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý được rèn luyện và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn như giảng dạy tiếng Anh, hỗ trợ ngôn ngữ trong hoạt động nghề luật, soạn thảo hợp đồng và biên-phiên dịch liên quan đến một số lĩnh vực trong đời sống xã hội như giáo dục, nghiên cứu, văn hóa, kinh tế, xã hội, pháp luật.</p>	<p>- <i>Sứ mạng</i> đào tạo nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao.</p> <p>- <i>Hội nhập quốc tế.</i></p>	<p><i>Trở thành trường trọng điểm về đào tạo pháp luật, - Có vị thế trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới.</i></p>	<p><i>Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.</i></p>	<p><i>Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.</i></p>
<p>Mục tiêu G6:</p> <p>Cử nhân Ngôn ngữ Anh – Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý được rèn luyện kỹ năng học tập và tự học hiệu quả để mở rộng kiến thức và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cơ sở, tiếng Anh pháp lý và các kỹ năng xã hội cần thiết đáp ứng được yêu cầu của xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế và thời kỳ chuyển đổi số.</p>	<p><i>Hội nhập quốc tế.</i></p>	<p><i>Trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu.</i></p>	<p><i>Con người - Chất lượng - Thương hiệu - Hội nhập.</i></p>	<p><i>Tạo nên những con người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.</i></p>
<p>Mục tiêu G7:</p>			<p><i>Con người - Chất lượng -</i></p>	<p><i>Tạo nên những con</i></p>

Cử nhân Ngôn ngữ Anh – Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý được bồi dưỡng thái độ và nhận thức tích cực đối với việc học tập và nghề nghiệp.			<i>Thương hiệu - Hội nhập.</i>	<i>người ham học hỏi, biết làm việc, sẵn sàng bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân và phụng sự Tổ quốc.</i>
---	--	--	--------------------------------	---

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý của Trường Đại học Luật Hà Nội sẽ đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

a) Yêu cầu về kiến thức:

- K1: Kiến thức của một số ngành khoa học về chính trị, kinh tế.
- K2: Kiến thức chung của ngành khoa học tâm lý.
- K3: Kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học.
- K4: Kiến thức cơ bản về tin học; ngoại ngữ thứ hai.
- K5: Kiến thức chuyên sâu về thực hành tiếng Anh và tiếng Anh nâng cao.
- K6: Kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ, giao thoa văn hoá, văn học Anh- Mỹ.
- K7: Sinh viên sau khi tốt nghiệp sử dụng thành thạo tiếng Anh tổng quát (tối thiểu đạt bậc 5/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương).
- K8: Kiến thức cơ bản về từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ, văn phong của tiếng Anh chuyên ngành trong lĩnh vực pháp luật như hệ thống pháp luật, nguồn luật, luật công và luật tư, thủ tục tố tụng, nghề luật,... của Việt Nam cũng như của một số nước trên thế giới.
- K9: Kiến thức cơ bản về từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ, văn phong của tiếng Anh chuyên ngành về các tổ chức chính trị và xã hội, bộ máy Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, hệ thống Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân, thanh tra,... của Việt Nam cũng như của một số nước trên thế giới.
- K10: Kiến thức nâng cao về từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ, văn phong của tiếng Anh chuyên ngành trong một số lĩnh vực pháp luật cơ bản như luật hiến pháp, luật hành chính, luật hình sự và tố tụng hình sự, luật dân sự và tố tụng dân sự, thi hành án dân sự,... của Việt Nam cũng như của một số nước trên thế giới.
- K11: Kiến thức nâng cao về từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ, văn phong của tiếng Anh chuyên ngành trong một số lĩnh vực pháp luật mà người nước ngoài có nhu cầu tìm hiểu nhiều như luật hợp đồng, soạn thảo hợp đồng, bồi thường thiệt hại

ngoài hợp đồng, luật doanh nghiệp, luật quốc tế, luật đất đai, luật đầu tư, luật thuế,... của Việt Nam cũng như của một số nước trên thế giới.

b) Yêu cầu về kỹ năng:

- S12: Kỹ năng nghe - nói - đọc - viết tiếng Anh tổng quát.
- S13: Kỹ năng nghe - nói - đọc - viết tiếng Anh chuyên ngành.
- S14: Kỹ năng biên phiên dịch Anh - Việt; Việt - Anh.
- S15: Kỹ năng nghiên cứu khoa học.
- S16: Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính.
- S17: Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin ở mức cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT.
- S18: Kỹ năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản pháp luật.
- S19: Kỹ năng giao tiếp.
- S20: Kỹ năng thuyết trình.
- S21: Kỹ năng đàm phán.
- S22: Kỹ năng làm việc nhóm.
- S23: Kỹ năng làm việc độc lập, phát hiện và giải quyết vấn đề.
- S24: Kỹ năng tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.
- S25: Kỹ năng ứng phó, xử lý một cách kịp thời, đúng pháp luật đối với các tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống và công việc.

c) Yêu cầu về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- T26: Ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật.
- T27: Nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh, đặc biệt là tiếng Anh pháp lý trong thời đại kinh tế tri thức và hội nhập.
- T28: Bản lĩnh nghề nghiệp, trung thực và yêu nghề.
- T29: Ý thức xây dựng và bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.
- T30: Tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc.
- T31: Chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm và tự tin giải quyết công việc, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe.
- T32: Tinh thần ủng hộ sáng tạo và đổi mới.
- T33: Tinh thần cầu thị, hợp tác, thân thiện với người khác trong công việc.
- T34: Tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

d) Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý của Trường Đại học Luật Hà Nội có thể đảm nhận vị trí

làm việc trong môi trường làm việc đòi hỏi tính chuyên nghiệp thuộc các nhóm công việc giảng dạy, biên-phiên dịch tại nhiều cơ sở khác nhau:

- Tham gia giảng dạy môn tiếng Anh tổng quát tại các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; tham gia vào công tác nghiên cứu liên quan đến các lĩnh vực pháp luật cơ bản, biên - phiên dịch;

- Các đơn vị hợp tác quốc tế hoặc các đơn vị khác có nhu cầu của các bộ, ngành;

- Các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, ngân hàng, văn phòng luật sư, công chứng, các tổ chức hành nghề luật, các tổ chức quốc tế trong nước và ngoài nước, đặc biệt là các tổ chức làm việc trong lĩnh vực pháp lý có yếu tố nước ngoài.

đ) Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý của Trường Đại học Luật Hà Nội có thể:

- Đăng ký dự thi khoá đào tạo thạc sỹ Ngôn ngữ Anh tại các cơ sở đào tạo trong nước cũng như nước ngoài;

- Đăng ký dự tuyển khoá đào tạo liên thông dành cho người đã có bằng đại học khác các ngành Luật, Luật Kinh tế, Luật Thương mại quốc tế của Trường;

- Đăng ký dự tuyển khoá đào tạo cử nhân luật tại các cơ sở đào tạo của nước ngoài;

- Có cơ hội tham gia chương trình đào tạo luật sư quốc tế.

4.2. Các chương trình đào tạo (CTĐT), tài liệu, chuẩn đầu ra mà Trường tham khảo

- Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

- Các văn bản pháp luật hiện hành của Việt Nam về chương trình đào tạo, quy chế đào tạo, khung trình độ quốc gia, xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo...;

- Kết quả tổ chức hội thảo của các khoa, kết quả hội thảo cấp Trường do Phòng Đào tạo đại học và Hội đồng Khoa học và Đào tạo tổ chức, kết quả lấy ý kiến của cán bộ, giảng viên, sinh viên, người sử dụng lao động về CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh- Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý;

- Các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về khung năng lực ngoại ngữ, chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh;

- Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Chương trình đào tạo của một số cơ sở đào tạo cử nhân ngôn ngữ Anh trong nước như:

+ Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội - Khoa Sư phạm tiếng Anh và Khoa Ngôn ngữ và văn hóa các nước nói tiếng Anh: Tham khảo các môn tiếng Anh 1, 2, 3; Văn hóa Anh Mỹ, Ngữ âm âm vị học;

+ Trường Đại học Hà Nội – Khoa Tiếng Anh: Tham khảo các môn Ngữ pháp, Ngữ nghĩa học, Lý thuyết dịch, Biên dịch, phiên dịch;

+ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội - Khoa Tiếng Anh: Tham khảo môn Văn học Anh Mỹ.

4.3. Ma trận đáp ứng mục tiêu của các chuẩn đầu ra

Nội dung kiến thức	Mục tiêu G1	Mục tiêu G2	Mục tiêu G3	Mục tiêu G4	Mục tiêu G5	Mục tiêu G6	Mục tiêu G7
* Kiến thức							
K1: Kiến thức về một số ngành khoa học về chính trị, kinh tế.		X		X	X	X	
K2: Kiến thức về ngành khoa học tâm lý.	X	X			X	X	
K3: Kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học.						X	X
K4: Kiến thức cơ bản về tin học và ngoại ngữ thứ hai.						X	X
K5: Kiến thức chuyên sâu về thực hành tiếng Anh và tiếng Anh nâng cao.			X	X	X		
K6: Kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ, giao thoa văn hoá, văn học Anh - Mỹ.	X		X	X	X	X	
K7: Sinh viên sau khi tốt nghiệp sử dụng thành thạo tiếng Anh tổng quát (tối thiểu đạt bậc 5/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương).			X	X	X	X	
K8: Kiến thức cơ bản về từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ, văn phong của tiếng Anh chuyên ngành trong lĩnh vực pháp luật như hệ thống pháp luật, nguồn luật, luật công và luật tư, thủ tục tố tụng, nghề luật,... của Việt Nam cũng như của một số nước trên thế giới.		X		X	X	X	
K9: Kiến thức cơ bản về từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ, văn phong của tiếng Anh chuyên ngành về các tổ chức chính trị và xã hội, bộ máy Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, hệ thống Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân, thanh tra,... của Việt Nam cũng như của một số nước trên thế giới.		X		X	X	X	

K10: Kiến thức nâng cao về từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ, văn phong của tiếng Anh chuyên ngành trong một số lĩnh vực pháp luật cơ bản như luật hiến pháp, luật hành chính, luật hình sự và tố tụng hình sự, luật dân sự và tố tụng dân sự, thi hành án dân sự,... của Việt Nam cũng như của một số nước trên thế giới.		X		X	X	X	
K11: Kiến thức nâng cao về từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ, văn phong của tiếng Anh chuyên ngành trong một số lĩnh vực pháp luật mà người nước ngoài có nhu cầu tìm hiểu nhiều như luật hợp đồng, soạn thảo hợp đồng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, luật doanh nghiệp, luật quốc tế, luật đất đai, luật đầu tư, luật thuế,... của Việt Nam cũng như của một số nước trên thế giới.		X		X	X	X	
* Về kỹ năng							
S12: Kỹ năng nghe - nói - đọc - viết tiếng Anh tổng quát			X				
S13: Kỹ năng nghe - nói - đọc - viết tiếng Anh chuyên ngành			X	X	X	X	
S14: Kỹ năng biên dịch, phiên dịch Anh - Việt; Việt - Anh				X	X		
S15: Kỹ năng nghiên cứu khoa học						X	X
S16: Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính						X	
S17: Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin ở mức cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT				X		X	
S18: Kỹ năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản pháp luật		X		X		X	
S19: Kỹ năng giao tiếp			X				
S20: Kỹ năng thuyết trình			X	X	X		
S21: Kỹ năng đàm phán			X	X	X	X	
S22: Kỹ năng làm việc nhóm					X	X	
S23: Kỹ năng làm việc độc lập, phát hiện và giải quyết vấn đề					X	X	
S24: Kỹ năng tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ						X	X
S25: Kỹ năng ứng phó, xử lý một cách kịp thời, đúng pháp luật đối với các tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống và công việc						X	

* Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm							
T26: Ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật							X
T27: Nhận thức được tầm quan trọng của tiếng Anh, đặc biệt là tiếng Anh pháp lý trong thời đại kinh tế tri thức và hội nhập						X	X
T28: Bản lĩnh nghề nghiệp, trung thực và yêu nghề							X
T29: Ý thức xây dựng và bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh							X
T30: Tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc							X
T31: Chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm và tự tin giải quyết công việc, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe					X	X	X
T32: Tinh thần ủng hộ sáng tạo và đổi mới						X	X
T33: Tinh thần cầu thị, hợp tác, thân thiện với người khác trong công việc						X	X
T34: Tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng							X

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH

5.1. Khối tuyển sinh (Tổ hợp xét tuyển)

Theo đề án tuyển sinh của Trường.

5.2. Các đợt tuyển sinh

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Kế hoạch tuyển sinh của Trường.

5.3. Chỉ tiêu tuyển sinh

Được xác định theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công khai trong Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường.

5.4. Điều kiện tuyển sinh

Thí sinh tốt nghiệp THPT; trung cấp; cao đẳng.

5.5. Phương thức tuyển sinh

5.5.1. Tuyển thẳng:

Trường xét tuyển thẳng các thí sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.5.2. Xét tuyển theo đề án riêng của Trường:

- Phương thức 1: Xét tuyển các thí sinh tham dự Vòng thi tháng/quý/năm cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia của Đài truyền hình Việt Nam và học sinh đạt giải

Nhất, Nhì, Ba - Kỳ thi Học sinh giỏi cấp tỉnh trở lên môn tiếng Anh (xét lần lượt theo thứ tự giải và cấp đạt giải);

- Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập của bậc THPT;

- Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT hằng năm theo các tổ hợp A01, D01 (trong đó môn thi tiếng Anh ≥ 7.00 điểm), trường hợp có nhiều thí sinh có cùng mức điểm trúng tuyển thì ưu tiên thí sinh có điểm thi môn tiếng Anh cao hơn.

5.6. Thời gian tuyển sinh

Tuyển sinh từ tháng 01 đến tháng 12 hàng năm.

6. CẤU TRÚC CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

6.1. Thông tin chung

- Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo: **129** (không bao gồm học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh và học phần Giáo dục thể chất).

- Thời gian đào tạo: 4 năm

6.2. Cấu trúc Chương trình dạy học

a) Kiến thức bắt buộc: **87** tín chỉ, chiếm tỷ lệ **67,4%** của CTĐT, trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: **19** tín chỉ, chiếm tỷ lệ **14,7%**

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: **68** tín chỉ, chiếm tỷ lệ **52,7 %**

b) Kiến thức tự chọn: **26** tín chỉ, chiếm tỷ lệ **20,2%** của CTĐT, trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: **4** tín chỉ, chiếm tỷ lệ **3,1 %**

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: **22** tín chỉ, chiếm tỷ lệ **17,1%**

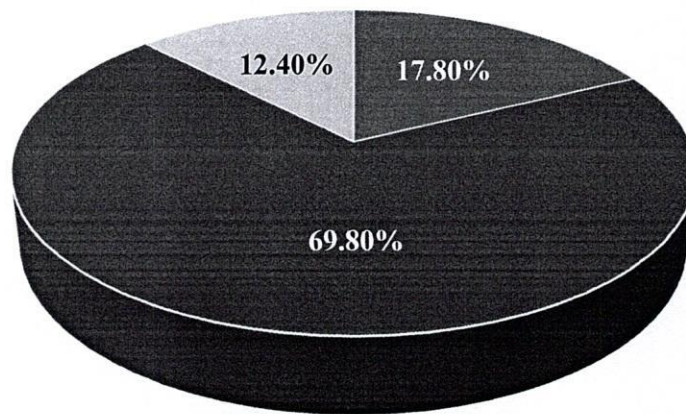
c) Kiến thức tốt nghiệp: **16** tín chỉ, chiếm tỷ lệ **12.4 %** của CTĐT, trong đó:

+ Thực tập tốt nghiệp bắt buộc: **7** tín chỉ, chiếm tỷ lệ **5.4 %**.

+ Khóa luận tốt nghiệp: **9** tín chỉ, chiếm tỷ lệ **7%**. (Sinh viên không đủ điều kiện viết khóa luận tốt nghiệp hoặc không chọn viết khóa luận tốt nghiệp phải chọn học **9** tín chỉ các học phần tự chọn thuộc Khối kiến thức GDCN).

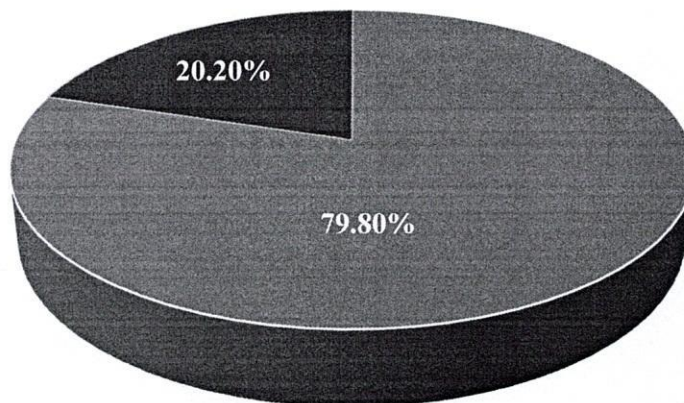
* **Sơ đồ tỷ lệ các khối kiến thức**

TỶ LỆ KHỐI KIẾN THỨC



■ Khối Kiến thức GDĐC ■ Khối Kiến thức GDCN ■ Khối Kiến thức tốt nghiệp

TỶ LỆ KIẾN THỨC BẮT BUỘC VÀ TỰ CHỌN



■ Kiến thức bắt buộc ■ Kiến thức tự chọn

6.3. Bảng các học phần trong Chương trình dạy học

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	LOẠI HP (BB/TC)	SỐ TC	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY – HỌC				ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
					TRÊN LỚP		Làm việc nhóm	Tự nghiên cứu	
					Lý thuyết	Seminar			
6.3.1. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 23 tín chỉ									
6.3.1.1. Các học phần bắt buộc: 19 tín chỉ									
1	Triết học Mác - Lênin	A.ĐCBB01	BB	3	24 giờ TC	10 giờ TC	6 giờ TC	5 giờ TC	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	A.ĐCBB02	BB	2	16	7	4	3	A.ĐCBB01
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	A.ĐCBB03	BB	2	16	7	4	3	A.ĐCBB01 A.ĐCBB02
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	A.ĐCBB04	BB	2	16	7	4	3	A.ĐCBB01 A.ĐCBB02 A.ĐCBB03
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	A.ĐCBB05	BB	2	16	7	4	3	A.ĐCBB01 A.ĐCBB02 A.ĐCBB03
6	Tin học	A.ĐCBB06	BB	2	12	8	5	5	
7	Đại cương văn hóa Việt Nam	A.ĐCBB07	BB	2	12	8	5	5	
8	Kỹ năng thuyết trình*	A.ĐCBB08	BB	2	12	8	5	5	
9	Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	A.ĐCBB09	BB	2	12	8	5	5	
6.3.1.2. Các học phần tự chọn: 04 tín chỉ									
10	Quan hệ kinh tế quốc tế	A.ĐCTC01	TC	2	12	8	5	5	
11	Tâm lý học đại cương	A.ĐCTC02	TC	2	12	8	5	5	
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học*	A.ĐCTC03	TC	2	12	8	5	5	
13	Lịch sử văn minh thế giới	A.ĐCTC04	TC	2	12	8	5	5	
6.3.2. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 90 tín chỉ									
6.3.2.1. Kiến thức ngành Ngôn ngữ Anh: 42 tín chỉ									
6.3.2.1.1. Kiến thức thực hành tiếng Anh: 32 tín chỉ									
14	Kỹ năng nghe HP1 (B1 – B2.1)	A.KNBB01	BB	2	12	8	5	5	
15	Kỹ năng nói HP 1 (B1 – B2.1)	A.KNBB02	BB	2	12	8	5	5	

16	Kỹ năng đọc HP 1 (B1 – B2.1)	A.KNBB03	BB	2	12	8	5	5	
17	Kỹ năng viết HP 1 (B1 – B2.1)	A.KNBB04	BB	2	12	8	5	5	
18	Kỹ năng nghe HP 2 (B2.2)	A.KNBB05	BB	3	18	12	8	7	A.KNBB01
19	Kỹ năng nói HP 2 (B2.2)	A.KNBB06	BB	3	18	12	8	7	A.KNBB02
20	Kỹ năng đọc HP 2 (B2.2)	A.KNBB07	BB	3	18	12	8	7	A.KNBB03
21	Kỹ năng viết HP 2 (B2.2)	A.KNBB08	BB	3	18	12	8	7	A.KNBB04
22	Kỹ năng nghe HP 3 (C1.1)	A.KNBB09	BB	3	18	12	8	7	A.KNBB05
23	Kỹ năng nói HP 3 (C1.1)	A.KNBB10	BB	3	18	12	8	7	A.KNBB06
24	Kỹ năng đọc HP 3 (C1.1)	A.KNBB11	BB	3	18	12	8	7	A.KNBB07
25	Kỹ năng viết HP 3 (C1.1)	A.KNBB12	BB	3	18	12	8	7	A.KNBB08

6.3.2.1.2. Kiến thức ngôn ngữ học Anh và văn hóa: 10 tín chỉ

26	Ngữ pháp tiếng Anh	A.NNBB01	BB	2	12	8	5	5	A.KNBB05 A.KNBB06 A.KNBB07 A.KNBB08
27	Ngữ nghĩa học	A.NNBB02	BB	2	12	8	5	5	A.NNBB01
28	Ngữ dụng học	A.NNBB03	BB	3	18	12	8	7	A.NNBB02
29	Giao tiếp giao thoa văn hóa*	A.NNBB04	BB	3	18	12	8	7	A.KNBB01 A.KNBB02 A.KNBB03 A.KNBB04

6.3.2.2. Kiến thức tiếng Anh pháp lý và nâng cao: 36 tín chỉ

6.3.2.2.1. Các học phần bắt buộc: 20 tín chỉ

30	Kỹ năng nghe nói nâng cao (C1.2)	A.NCBB01	BB	2	12	8	5	5	A.KNBB09 A.KNBB10
31	Kỹ năng đọc viết nâng cao (C1.2)	A.NCBB02	BB	2	12	8	5	5	A.KNBB11 A.KNBB12
32	Lý thuyết dịch	A.NCBB03	BB	2	12	8	5	5	A.NNBB03
33	Biên dịch 1	A.NCBB04	BB	2	18	12	8	7	A.NCBB03
34	Biên dịch 2	A.NCBB05	BB	2	12	8	5	5	A.NCBB04
35	Tiếng Anh pháp lý cơ bản 1	A.CNBB01	BB	3	18	12	8	7	
36	Tiếng Anh pháp lý cơ bản 2	A.CNBB02	BB	3	18	12	8	7	
37	Tiếng Anh pháp lý cơ bản 3	A.CNBB03	BB	2	12	8	5	5	

38	Phiên dịch	A.NCBB06	BB	2	12	8	5	5	A.NCBB06
6.3.2.2.2. Các học phần tự chọn: 16 tín chỉ									
39	Biên dịch nâng cao	A.NCTC01	TC	3	18	12	8	7	A.NCBB05
40	Văn học Anh-Mỹ	A.NCTC02	TC	2	12	8	5	5	A.ĐCBB09 A.KNBB05 A.KNBB06 A.KNBB07 A.KNBB08
41	Kỹ năng đàm phán *	A.NCTC03	TC	2	12	8	5	5	
42	Tiếng Anh pháp lý nâng cao 1	A.CNTC06	TC	3	18	12	8	7	
43	Tiếng Anh pháp lý nâng cao 2	A.CNTC07	TC	2	12	8	5	5	
44	Tiếng Anh pháp lý nâng cao 3	A.CNTC08	TC	2	12	8	5	5	
45	Ngữ dụng học nâng cao	A.CNTC09	TC	3	18	12	8	7	A.NNBB03
46	Ngoại ngữ 2 (Pháp/Nga/Trung)	A.NCTC10	TC	4	26	14	10	10	
6.3.2.3. Kiến thức pháp lý bổ trợ ngành: 12 tín chỉ									
6.3.2.3.1. Các học phần bắt buộc: 06 tín chỉ									
47	Pháp luật đại cương (Lý luận về nhà nước và pháp luật)	A.BTBB01	BB	4	26	14	10	10	
48	Luật thương mại quốc tế *	A.BTBB02	BB	2	12	8	5	5	
6.3.2.3.2. Các học phần tự chọn: 06 tín chỉ									
49	Fundamental civil rights in the modern world *	A.BTTC01	TC	2	12	8	5	5	
50	Legal reasoning and legal writing for legal professionals*	A.BTTC02	TC	2	12	8	5	5	
51	WTO law*	A.BTTC03	TC	2	12	8	5	5	
52	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	A.BTTC04	TC	2	12	8	5	5	
53	Comparative law*	A.BTTC05	TC	3	18	12	8	7	
54	Comparative contract law*	A.BTTC06	TC	2	12	8	5	5	
55	Luật dân sự 1	A.BTTC07	TC	3	18	12	8	7	A.BTBB01

56	Luật hình sự 1	A.BTTC08	TC	3	18	12	8	7	A.BTBB01
6.3.3. KHỐI KIẾN THỨC TỐT NGHIỆP: 16 tín chỉ									
1	Thực tập chuyên môn	BB	7						
2	Khóa luận tốt nghiệp	TC	9						
	<p>- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định của Trường và có nguyện vọng viết khóa luận tốt nghiệp sẽ viết khóa luận tốt nghiệp.</p> <p>- Sinh viên không đủ điều kiện viết khóa luận tốt nghiệp theo quy định của Trường hoặc không có nguyện vọng viết khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học và thi các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (9 tín chỉ).</p>								

(*) Các học phần được giảng dạy bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt.

6.4. Điều kiện tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

d) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;

đ) Có đơn gửi phòng Đào tạo đại học đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

7. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO

7.1. Tiến trình đào tạo hệ chính quy VB1

HỌC KỲ (Tổng số tc)	HỌC PHẦN	MÃ HP	Đợt học trong HK	SỐ TC	LOẠI HP	ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	GHI CHÚ
HK1 (15 TC)	Triết học Mác - Lênin	A.ĐCBB01	1, 2, 3	3	BB		
	Tin học	A.ĐCBB06	3	2	BB		
	Đại cương văn hóa Việt Nam	A.ĐCBB07	1	2	BB		
	Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	A.ĐCBB09	2	2	BB		
	Pháp luật đại cương (Lý luận về nhà nước và pháp luật)	A.BTBB01	1,2,3	4	BB		
	Kỹ năng thuyết trình	A.ĐCBB08	3	2	BB		
HK2 (16 TC)	Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương		1,3	4	TC		

	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	A.ĐCBB02	2	2	BB		
	Kỹ năng nghe HP1 (B1 - B2.1)	A.KNBB01	1	2	BB		
	Kỹ năng nói HP1 (B1 - B2.1)	A.KNBB02	1	2	BB		
	Kỹ năng đọc HP1 (B1 - B2.1)	A.KNBB03	2	2	BB		
	Kỹ năng viết HP1 (B1 - B2.1)	A.KNBB04	2	2	BB		
	Ngữ pháp tiếng Anh	A.NNBB01	3	2	BB	A.KNBB03 A.KNBB04	
	Giáo dục thể chất				BB		
HK3 (19 TC)	Kỹ năng nghe HP2 (B2.2)	A.KNBB05	1,2,3	3	BB	A.KNBB01	
	Kỹ năng nói HP2 (B2.2)	A.KNBB06	1,2,3	3	BB	A.KNBB02	
	Kỹ năng đọc HP2 (B2.2)	A.KNBB07	1,2,3	3	BB	A.KNBB03	
	Kỹ năng viết HP2 (B2.2)	A.KNBB08	1,2,3	3	BB	A.KNBB04	
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	A.ĐCBB03	1	2	BB	A.ĐCBB01 A.ĐCBB02	
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	A.ĐCBB04	3	2	BB	A.ĐCBB01 A.ĐCBB02 A.ĐCBB03	
	Tiếng Anh pháp lý cơ bản 1	A.CNBB01	1,2,3	3	BB		
	Giáo dục Quốc phòng - An ninh				BB		
HK4 (20 TC)	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	B.ĐCBB05	1	2	BB	A.ĐCBB01 A.ĐCBB02 A.ĐCBB03	
	Kỹ năng nghe HP3 (C1.1)	A.KNBB09	1,2,3	3	BB	A.KNBB05	
	Kỹ năng nói HP3 (C1.1)	A.KNBB10	1,2,3	3	BB	A.KNBB06	
	Kỹ năng đọc HP3 (C1.1)	A.KNBB11	1,2,3	3	BB	A.KNBB07	
	Kỹ năng viết HP3 (C1.1)	A.KNBB12	1,2,3	3	BB	A.KNBB08	
	Lý thuyết dịch	A.NCBB03	2	2	BB	A.NNBB02	
	Ngữ nghĩa học	A.NNBB02	2	2	BB	A.NNBB01	
	Biên dịch 1	A.NCBB04	3	2	BB	A.NCBB03	
HK5 (15 TC)	Tiếng Anh pháp lý cơ bản 2	A.CNBB02	1,2,3	3	BB	A.CNBB01	

	<i>Học phần tự chọn thuộc kiến thức tiếng Anh pháp lý và nâng cao</i>		1,2,3	5	TC		
	Ngữ dụng học	A.NNBB03	1,2,3	3	BB	A.NNBB02	
	Biên dịch 2	A.NCBB05	1	2	BB	A.NCBB04	
	Phiên dịch	A.NCBB04	2	2		A.NCBB03	
HK6 (15 TC)	Kỹ năng đọc viết nâng cao (C1.2)	A.NCBB02	2	2	BB	A.KNBB11 A.KNBB12	
	Kỹ năng nghe nói nâng cao (C1.2)	A.NCBB01	1	2	BB	A.KNBB09 A.KNBB10	
	Luật thương mại quốc tế	A.BTBB02	3	2	BB		
	Tiếng Anh pháp lý cơ bản 3	A.CNBB03	1	2	BB	A.CNBB02	
	<i>Học phần thuộc kiến thức pháp lý hỗ trợ ngành</i>		2	2	TC		
	<i>Học phần tự chọn thuộc kiến thức tiếng Anh pháp lý và nâng cao</i>		1,2,3	5	TC		
HK7 (13 TC)	<i>Học phần tự chọn thuộc kiến thức tiếng Anh pháp lý và nâng cao</i>		1,2,3	6	TC		
	Giao tiếp giao thoa văn hóa	A.NNBB04	1,2,3	3	BB		
	<i>Học phần thuộc kiến thức pháp lý hỗ trợ ngành</i>		1,2,3	4	TC		
HK8 (16 TC)	- Thực tập chuyên môn bắt buộc: 07 TC (Thực tập tốt nghiệp được đánh giá dựa trên Nhật ký thực tập và Báo cáo thực tập).						
	- Viết Khóa luận tốt nghiệp (09 TC): <i>Áp dụng đối với sinh viên đủ điều kiện theo quy định của Trường và có nguyện vọng viết khóa luận tốt nghiệp.</i> - Đăng ký học và thi đủ 09 TC các học phần tự chọn thuộc khối Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: <i>Áp dụng đối với sinh viên không đủ điều kiện viết khóa luận tốt nghiệp hoặc không có nguyện vọng viết khóa luận tốt nghiệp.</i>						

8. MA TRẬN THỂ HIỆN SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VÀO VIỆC ĐÁP ỨNG CHUẨN ĐẦU RA

STT	TÊN HỌC PHẦN	CHUẨN KIẾN THỨC											CHUẨN KĨ NĂNG											CHUẨN NĂNG LỰC							Tổng số						
		K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	K9	K10	K11	S12	S13	S14	S15	S16	S17	S18	S19	S20	S21	S22	S23	S24	S25	S26	T27	T28	T29		T30	T31	T32	T33	T34	
1	Triết học Mác - Lênin	✓	✓		✓																✓		✓	✓		✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	15	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	✓	✓		✓																✓		✓	✓		✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	15	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	✓	✓	✓	✓																✓		✓	✓		✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	16	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	✓	✓	✓	✓																✓		✓	✓		✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	16	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	✓	✓	✓	✓																✓		✓	✓		✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	16	
6	Tin học					✓											✓	✓					✓			✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	11	
7	Đại cương văn hóa Việt Nam	✓	✓	✓																✓	✓		✓				✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	14	
8	Kỹ năng thuyết trình *			✓					✓				✓	✓						✓	✓		✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	18	
9	Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh						✓	✓	✓				✓							✓	✓		✓	✓			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	17	
10	Quan hệ kinh tế quốc tế	✓										✓								✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	13	
11	Tâm lý học đại cương		✓																	✓	✓		✓	✓			✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	13	
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học*				✓		✓						✓	✓	✓	✓					✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	21	
13	Lịch sử văn minh thế giới																			✓	✓		✓	✓		✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	12	
14	Kỹ năng nghe HP1 (B1 – B2.1)						✓		✓				✓										✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	16
15	Kỹ năng nói HP1 (B1 – B2.1)						✓		✓				✓											✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	16

15	Kỹ năng nói (B1 – B2.1)	HP1	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓		✓		27		
16	Kỹ năng đọc (B1 – B2.1)	HP1	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓		21	
17	Kỹ năng viết (B1 – B2.1)	HP1	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓		21	
18	Kỹ năng nghe (B2.2)	HP2	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓		21	
19	Kỹ năng nói (B2.2)	HP2	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓		✓		27
20	Kỹ năng đọc (B2.2)	HP2	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓		21	
21	Kỹ năng viết (B2.2)	HP2	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓		21	
22	Kỹ năng nghe (C1.1)	HP3	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓		21	
23	Kỹ năng nói (C1.1)	HP3	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓		✓		27
24	Kỹ năng đọc (C1.1)	HP3	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓		21	
25	Kỹ năng viết (C1.1)	HP3	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓		21	
26	Ngữ pháp tiếng Anh		✓	✓					✓	✓			✓	✓					✓	✓	✓				✓	✓			✓		15	
27	Ngữ nghĩa học		✓	✓					✓	✓			✓	✓					✓	✓	✓				✓	✓			✓		15	
28	Ngữ dụng học		✓	✓	✓	✓			✓	✓									✓	✓					✓	✓			✓		13	
29	Giao tiếp giao thoa văn hóa		✓	✓	✓			✓	✓	✓			✓	✓	✓				✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓		✓		21	
30	Kỹ năng nghe nói nâng cao (C1.2)		✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓				✓	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓		21	
31	Kỹ năng đọc viết nâng cao (C1.2)		✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓		21
32	Lý thuyết dịch		✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓	✓			✓	✓		✓	✓	24
33	Biên dịch 1		✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓	✓			✓	✓		✓	✓	24

34	Biên dịch 2	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓			✓	✓	24	
35	Tiếng Anh pháp lý cơ bản 1	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓			✓	✓	24	
36	Tiếng Anh pháp lý cơ bản 2	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓			✓	✓	24	
37	Tiếng Anh pháp lý cơ bản 3	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓			✓	✓	24	
38	Phiên dịch	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓			✓	✓	23	
39	Biên dịch nâng cao	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓			✓	✓	24	
40	Văn học Anh-Mỹ	✓	✓				✓	✓	✓			✓		✓	✓				✓	✓	✓			✓	✓	✓		✓		18	
41	Kỹ năng đàm phán	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓		✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓			✓		21	
42	Tiếng Anh pháp lý nâng cao 1	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓			✓	✓	24	
43	Tiếng Anh pháp lý nâng cao 2	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓			✓	✓	24	
44	Tiếng Anh pháp lý nâng cao 3	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓			✓	✓	24	
45	Ngoại ngữ 2	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓		✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓	✓			✓		21	
46	Ngữ dụng học nâng cao	✓	✓	✓	✓			✓	✓			✓								✓	✓			✓	✓			✓		13	
47	Pháp luật đại cương (Lý luận về nhà nước và pháp luật)		✓		✓				✓				✓		✓					✓	✓				✓	✓					11
48	Luật thương mại quốc tế *		✓		✓				✓				✓		✓					✓	✓				✓	✓					11
49	Fundamental Civil Rights in the Modern World		✓		✓				✓				✓		✓					✓	✓				✓	✓					11
50	Legal reasoning and legal writing for legal professionals *		✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓		27

51	WTO law *	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓		28
52	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính		✓	✓	✓			✓	✓		✓				✓	✓					✓		✓			✓	✓				15
53	Comparative Law		✓	✓	✓		✓		✓	✓		✓	✓		✓		✓	✓		✓	✓		✓		✓	✓		✓	✓		24
54	Comparative Contract Law		✓	✓	✓		✓		✓	✓		✓	✓		✓		✓	✓		✓	✓		✓		✓	✓		✓	✓		24
55	Luật dân sự 1		✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓		✓			✓	✓	✓		✓	✓		✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	27
56	Luật hình sự 1		✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓		✓			✓	✓	✓		✓	✓		✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	27

Giải thích các ký hiệu phương pháp:

- P1:** Phương pháp giao tiếp (Communicative Language Teaching (CLT))
- P2:** Phương pháp dạy-học dựa trên nhiệm vụ (Task-based Approach)
- P3:** Phương pháp dạy học dựa trên dự án (Project-based Approach)
- P4:** Phương pháp nghiên cứu tình huống (case study method/ situational method)
- P5:** Phương pháp đọc và nghiên cứu bản án
- P6:** Phương pháp diễn án/đóng vai
- P7:** Phương pháp hợp tác (collaborative method)
- P8:** Phương pháp thảo luận (seminar method)
- P9:** Phương pháp hỏi đáp Socratic (Socratic method)
- P10:** Phương pháp thực hành nghề luật (clinical legal method)
- P11:** Phương pháp học tập kết hợp (Blended learning)
- P12:** Phương pháp so sánh luật (comparative law method)

10. MA TRẬN CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học có thể được điều chỉnh theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Trường (thể hiện trong Quy chế đào tạo trình độ đại học)

STT	HỌC PHẦN	ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN			THI KẾT THÚC HỌC PHẦN			
		Nhận thức và thái độ tham gia thảo luận	BT cá nhân	BT nhóm	Vấn đáp	Trắc nghiệm	Tự luận	Khác
1	Triết học Mác - Lênin	X		X			X	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X	X				X	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X		X			X	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	X				X	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X	X				X	
6	Tin học	X	X					Thực hành
7	Đại cương văn hóa Việt Nam	X		X		X		
8	Kỹ năng thuyết trình*	X		X	X			
9	Ngữ âm – Âm vị học tiếng Anh	X	X			X		
10	Quan hệ kinh tế quốc tế	X		X			X	
11	Tâm lý học đại cương	X		X			X	
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học *	X	X				X	
13	Lịch sử văn minh thế giới	X		X			X	
14	Kỹ năng nghe HP1 (B1 – B2.1)	X	X				X	
15	Kỹ năng nói HP1 (B1 – B2.1)	X		X	X			
16	Kỹ năng đọc HP1 (B1 – B2.1)	X	X	X			X	
17	Kỹ năng viết HP1 (B1 – B2.1)	X	X				X	
18	Kỹ năng nghe HP2 (B2.2)	X	X				X	
19	Kỹ năng nói HP2 (B2.2)	X		X	X			
20	Kỹ năng đọc HP2 (B2.2)	X	X	X			X	
21	Kỹ năng viết HP2 (B2.2)	X	X				X	
22	Kỹ năng nghe HP3 (C1.1)	X	X				X	

23	Kỹ năng nói HP3 (C1.1)	X		X	X			
24	Kỹ năng đọc HP3 (C1.1)	X	X	X			X	
25	Kỹ năng viết HP3 (C1.1)	X	X				X	
26	Ngữ pháp tiếng Anh	X	X				X	
27	Ngữ nghĩa học	X	X				X	
28	Ngữ dụng học	X	X				X	
29	Giao tiếp giao thoa văn hóa	X		X			X	
30	Kỹ năng nghe nói nâng cao (C1.2)	X		X	X			
31	Kỹ năng đọc viết nâng cao (C1.2)	X	X				X	
32	Lý thuyết dịch	X	X				X	
33	Biên dịch 1	X	X				X	
34	Biên dịch 2	X	X				X	
35	Tiếng Anh pháp lý cơ bản 1	X		X		X		
36	Tiếng Anh pháp lý cơ bản 2	X		X		X		
37	Tiếng Anh pháp lý cơ bản 3	X		X		X		
38	Phiên dịch	X		X	X			
39	Biên dịch nâng cao	X	X				X	
40	Văn học Anh-Mỹ	X		X			X	
41	Kỹ năng đàm phán	X		X			X	
42	Tiếng Anh pháp lý nâng cao 1	X		X		X		
43	Tiếng Anh pháp lý nâng cao 2	X		X		X		
44	Tiếng Anh pháp lý nâng cao 3	X		X		X		
45	Ngoại ngữ 2	X		X		X		
46	Ngữ dụng học nâng cao	X	X				X	
47	Pháp luật đại cương (Lý luận về nhà nước và pháp luật)	X	X		X			
48	Luật thương mại quốc tế*	X		X		X		
49	Fundamental Civil Rights in the Modern World*	X		X			X	

50	Legal reasoning and legal writing for legal professionals*	X		X		X	
51	WTO law*	X		X		X	
52	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	X	X			X	
53	Comparative Law	X		X		X	
54	Comparative Contract Law	X		X		X	
55	Luật dân sự 1	X	X			X	
56	Luật hình sự 1	X	X			X	

Ghi chú: *Thực tập tốt nghiệp được đánh giá dựa trên Nhật ký thực tập và Báo cáo thực tập.*

11. GIỚI THIỆU CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. *Triết học Mác - Lênin*

Triết học Mác - Lênin là môn khoa học về những quy luật chung nhất về sự vận động và phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy. Học tập và nghiên cứu triết học Mác - Lênin trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật biện chứng (là toàn bộ những quan điểm, quan niệm chung nhất của con người về thế giới, về vị trí, vai trò của con người trong thế giới đó) và phương pháp luận khoa học, cách mạng. Phương pháp luận có nghĩa là lý luận về hệ thống phương pháp (trong đó phương pháp nghiên cứu của các khoa học riêng biệt “có khoa học Luật” chỉ là cụ thể hóa, sự vận dụng phương pháp biện chứng vào từng lĩnh vực cụ thể). Phương pháp luận triết học là hệ thống những quan điểm, những nguyên tắc xuất phát có vai trò chỉ đạo việc sử dụng các phương pháp trong nhận thức và hoạt động thực tiễn nhằm đạt kết quả tối ưu. Nội dung của học phần gồm ba vấn đề: (1) Triết học và vai trò của triết học đối với đời sống xã hội; (2) Chủ nghĩa duy vật biện chứng; (3) Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2. *Kinh tế chính trị Mác - Lênin*

Học phần Kinh tế chính trị Mác-Lênin cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của học thuyết Kinh tế chính trị của Chủ nghĩa Mác-Lênin về hàng hóa, sản xuất hàng hóa và sản xuất hàng hóa trong phương thức sản xuất TBCN; về những vấn đề kinh tế chính trị cơ bản của Việt Nam trong tiến trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN thông qua những nội dung sau: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học trang bị hệ thống lý luận chính trị - xã hội của Chủ nghĩa Mác-Lênin về những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình chuyển biến từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội; trực tiếp làm rõ mục tiêu cuối cùng và con đường giải phóng xã hội, giải phóng con người; đồng thời luận giải một cách khoa học về lực lượng chủ đạo của quá trình đó là giai cấp công nhân với sứ mệnh lịch sử là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần thuộc lĩnh vực khoa học chính trị, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết để thấm nhuần thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh ở thời đại ngày nay, thông qua các nội dung:

Thứ nhất, khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ hai, cơ sở hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ ba, những giá trị, nội dung của hệ thống tư tưởng, quan điểm cơ bản trong Tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm vận dụng của Đảng ta vào sự nghiệp đổi mới đất nước ở giai đoạn hiện nay.

5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu rõ các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp sinh viên nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. Tin học

Học phần Tin học bao gồm 6 module xây dựng theo chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT của Thông tư 03/2014/TT-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 11 tháng 3 năm 2014; theo đó, học phần tập trung cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về những nội dung sau: Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản; sử dụng máy tính cơ bản; xử lý văn bản cơ bản; sử dụng bảng tính cơ bản; sử dụng trình chiếu cơ bản, và sử dụng Internet cơ bản.

7. Đại cương văn hóa Việt Nam

Đại cương văn hoá Việt Nam là học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá học nói chung và văn hoá Việt Nam nói riêng. Trang bị cho sinh viên kiến thức và phương pháp nghiên cứu của văn hoá Việt Nam; các yếu tố cấu thành bản sắc văn hoá Việt Nam (tôn giáo, tín ngưỡng, triết lí, giao tiếp ngôn từ, nghệ thuật, lễ hội, văn hoá nhân cách của người Việt, văn hoá làng xã, văn hoá đô thị, văn hoá Nhà nước - dân tộc v.v.); tiến trình hình thành và phát triển của văn hoá Việt Nam qua quá trình tương tác của văn hoá Việt Nam với văn hoá khu vực và quốc tế; văn hoá Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá, những thời cơ và thách thức của văn hoá Việt Nam trong việc tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại và giữ gìn, làm giàu bản sắc văn hoá dân tộc.

8. Kỹ năng thuyết trình

Học phần Kỹ năng thuyết trình nhằm giới thiệu cho sinh viên những bước cơ bản của kỹ năng thuyết trình như: Các phần cơ bản của một bài thuyết trình; các kỹ năng giao tiếp với khán giả/người nghe; kỹ năng sử dụng hình ảnh trực quan trong bài thuyết trình; các kỹ năng rèn luyện kỹ thuật cá nhân; các kỹ năng trình bày một bài thuyết trình; các chiến thuật trong thuyết trình; các kỹ năng đặt câu hỏi trong thuyết trình.

Học phần này giúp sinh viên có cơ hội thụ đắc những kỹ năng thuyết trình một cách có hệ thống, từ đó sinh viên có thể hiểu và vận dụng một cách khoa học các bước cần thiết khi tham gia thuyết trình một vấn đề.

9. Ngữ âm- Âm vị học tiếng Anh

Học phần Ngữ âm- Âm vị học tiếng Anh gồm 18 bài học, được chia thành 14 vấn đề nhằm cung cấp cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về hệ thống ngữ âm, âm vị, mô tả và phân loại âm, vai trò và các quy luật biến đổi của âm vị trong ngôn ngữ, trọng âm, ngữ điệu.

10. Quan hệ kinh tế quốc tế

Quan hệ kinh tế quốc tế là môn khoa học nghiên cứu quan hệ kinh tế giữa các thực thể công (quốc gia, các tổ chức kinh tế quốc tế) và các thực thể tư (cá nhân, pháp nhân) và một số chủ thể khác, thể hiện ở sự trao đổi quốc tế về hàng hoá, dịch vụ, vốn, khoa học - công nghệ, sức lao động, sự chuyển đổi tiền tệ giữa các quốc gia, các thiết chế và chính sách điều chỉnh các quá trình trao đổi quốc tế nói trên.

Học phần Quan hệ kinh tế quốc tế được tiếp cận dưới góc độ là học phần “liên ngành” (bao gồm kinh tế học, kinh tế quốc tế, quan hệ quốc tế, khoa học chính trị, pháp luật thương mại quốc tế...), nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan hệ kinh tế quốc tế, làm nền tảng và hỗ trợ cho việc nghiên cứu những học phần luật và lĩnh vực pháp luật có liên quan đến kinh tế quốc tế như Công pháp quốc tế, Tư pháp quốc tế, Pháp luật cộng đồng ASEAN,... giúp cho sinh viên nâng cao kỹ

năng phân tích, đánh giá để tìm hiểu những diễn biến kinh tế trên thế giới cũng như công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam.

11. Tâm lý học đại cương

Học phần Tâm lý học đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các tiến trình tinh thần và hành vi của con người, bao gồm: Lĩnh vực vô thức, lĩnh vực ý thức, các quá trình nhận thức, cảm xúc, chú ý, hành động, ý chí và nhân cách; giúp sinh viên hình thành kỹ năng phân tích tâm lý và hành vi, các kỹ năng tư duy, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng kiểm soát cảm xúc v.v, là tiền đề để sinh viên thành công trong cuộc sống cũng như trong quá trình hành nghề sau này.

12. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học thiết kế trong Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý, nhằm trang bị cho sinh viên tổng quan về khoa học và nghiên cứu khoa học, từ đó sinh viên biết cách xác định vấn đề nghiên cứu, mục đích nghiên cứu và xây dựng câu hỏi nghiên cứu. Học phần cũng trang bị cho sinh viên phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập, xử lý, phân tích thông tin thu thập được cũng như cách trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học.

13. Lịch sử văn minh thế giới

Lịch sử văn minh thế giới là học phần đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản, hệ thống về quá trình hình thành, phát triển, kế thừa, phát huy và những đóng góp, ảnh hưởng của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại.

14. Kỹ năng nghe HP1 (B1 – B2.1)

Kỹ năng nghe học phần 1 được thiết kế dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý từ bậc 3/6 đến 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B1 –B2.1 Khung Châu Âu). Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và ngữ âm cũng như những kỹ thuật nghe giúp sinh viên có thể nghe hiểu trong các tình huống khác nhau.

15. Kỹ năng nói HP1 (B1 – B2.1)

Kỹ năng nói học phần 1 được thiết kế dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý từ bậc 3/6 đến 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B1 –B2.1 Khung Châu Âu). Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, cấu trúc, cách phát âm để sinh viên có thể vận dụng vào luyện tập nói các chủ đề khác nhau.

16. Kỹ năng đọc HP1 (B1 – B2.1)

Kỹ năng đọc học phần 1 được thiết kế dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý từ bậc 3/6 đến 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B1 –B2.1 Khung Châu Âu). Học phần này cung cấp cho sinh

viên những kỹ năng và chiến lược đọc hiểu ở trình độ trung cấp, đồng thời cung cấp những hiểu biết xã hội cơ bản và kiến thức văn hóa của các nước nói tiếng Anh, tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên phát triển khả năng thực hành tiếng Anh.

17. Kỹ năng viết HP1 (B1 – B2.1)

Kỹ năng viết học phần 1 được thiết kế dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý từ bậc 3/6 đến 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B1 –B2.1 Khung Châu Âu). Học phần này cung cấp lý thuyết chung về viết đoạn văn như các thành tố cấu thành đoạn, sự mạch lạc và gắn kết trong đoạn văn đến cách viết một số loại đoạn văn cụ thể cũng như cung cấp những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ như các loại câu, các thì, các cách diễn đạt cũng được củng cố sau mỗi bài học.

18. Kỹ năng nghe HP2 (B2.2)

Kỹ năng nghe học phần 2 tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B2.2 Khung Châu Âu). Học phần này bao gồm 5 bài học về 10 chủ đề sau: Thay đổi và các hậu quả; tầm quan trọng của quá khứ; máy móc, quy trình và chu trình; giáo dục; tuổi trẻ; văn hóa; nghệ thuật và khoa học; tự nhiên; sức khỏe; cá nhân và xã hội. Trong mỗi bài học, sinh viên được nghe và luyện các kỹ năng đối với từng dạng bài, được nghe các đoạn hội thoại cũng như các bài nói chuyện dưới nhiều hình thức (bài giảng, bài thuyết trình...), được củng cố từ vựng, ngữ pháp, phát âm liên quan đến các chủ đề bài học và thảo luận về các chủ đề này.

19. Kỹ năng nói HP2 (B2.2)

Kỹ năng nói học phần 2 tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B2.2 Khung Châu Âu). Học phần này bao gồm 6 đơn vị bài học về các chủ đề khác nhau liên quan đến các lĩnh vực của đời sống xã hội, cung cấp cho sinh viên những kiến thức từ vựng, ngữ pháp, cấu trúc, cách phát âm để sinh viên có thể vận dụng vào luyện tập nói các chủ đề khác nhau trong thực tiễn cuộc sống như: Cung cấp các thông tin về nhận diện bản thân; nói về các phát minh trong lịch sử và trong xã hội hiện đại; lửa và hậu quả của lửa cũng như các biện pháp phòng cháy, v.v.

20. Kỹ năng đọc HP2 (B2.2)

Kỹ năng đọc học phần 2 tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B2.2 Khung Châu Âu). Học phần này tiếp tục hoàn thiện và củng cố những kỹ năng và chiến lược đọc hiểu ở trình độ trung cấp, đồng thời cung cấp cho sinh viên những hiểu biết xã hội và kiến thức văn hóa chung, tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên phát triển khả năng thực hành tiếng Anh.

21. Kỹ năng viết HP2 (B2.2)

Kỹ năng viết học phần 2 tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B2.2 Khung Châu Âu). Học phần này tập trung vào cách viết một bài luận ngắn gồm 03 đoạn văn và cách viết một bài luận cụ thể thuộc các thể

loại khác nhau như miêu tả, trần thuật, nêu quan điểm, so sánh - đối chiếu và nguyên nhân - kết quả; tiếp tục củng cố những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ như các loại câu, các thì, các từ loại, các cấu trúc ngữ pháp sau mỗi bài học.

22. Kỹ năng nghe HP3 (C1.1)

Kỹ năng nghe học phần 3 tương đương bậc 5/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (C1.1 Khung Châu Âu). Học phần này bao gồm 14 bài học, trong đó có 10 bài về các chủ đề: New challenges, Cooperation and Competition, Relationships, Health and Leisure, High Tech Low Tech, Money Matters, Remarkable individuals, Creativity, Human behavior, Crime punishment và 04 bài giới thiệu và luyện kỹ năng và phương pháp làm các dạng bài trong Section 3, 4 phần nghe của bài thi IELTS. Học phần này tiếp tục trang bị cho sinh viên các phương pháp nghe hiệu quả, phương pháp ghi chép và tốc ký các bài giảng; đồng thời tiếp tục củng cố cách phát âm, ngữ âm, ngữ điệu, cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng liên quan đến đa dạng các chủ đề trong cuộc sống cũng như học thuật để hoàn thiện khả năng nghe của sinh viên.

23. Kỹ năng nói HP3(C1.1)

Kỹ năng nói học phần 3 tương đương bậc 5/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (C1.1 Khung Châu Âu). Học phần này gồm 10 bài học với các chủ đề học thuật liên quan đến văn hóa, xã hội, kinh tế, kỹ thuật khoa học và giải trí. Thông qua các chủ đề chính của mỗi bài học, sinh viên được cung cấp, mở rộng kiến thức xã hội, văn hóa, quan điểm và lối sống của con người ở các nước nói tiếng Anh. Thêm vào đó, mỗi bài học đều trang bị cho sinh viên một khối lượng lớn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp cần thiết cho các kỹ năng giao tiếp như: Thảo luận, tranh luận, thuyết trình và phản biện; giới thiệu, hướng dẫn sinh viên cách xác định trọng âm trong từ và câu để hoàn thiện phát âm cũng như ngữ điệu nhằm diễn đạt mục đích giao tiếp một cách hiệu quả, và hoàn thiện khả năng nói trôi chảy, tự nhiên.

Ngoài ra, học phần này đặc biệt tập trung nâng cao khả năng phản xạ trong giao tiếp và kỹ năng tư duy logic của sinh viên khi thảo luận các vấn đề liên quan đến mỗi bài học; giúp hoàn thiện khả năng giao tiếp và diễn đạt của sinh viên tạo tiền đề cho sinh viên học tốt các học phần nghe nói nâng cao, tiếng Anh chuyên ngành và các chương trình học phần chuyên ngành luật bằng tiếng Anh.

24. Kỹ năng đọc HP3 (C1.1)

Kỹ năng đọc học phần 3 tương đương bậc 5/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (C1.1 Khung Châu Âu). Học phần này cung cấp cho sinh viên những kỹ năng và chiến lược đọc hiểu ở trình độ cao cấp, chú trọng vào rèn luyện kỹ năng, chiến lược để làm các dạng bài tập đọc theo dạng thức IELTS. Đồng thời, cung cấp những hiểu biết xã hội cơ bản và kiến thức văn hoá của các nước nói tiếng Anh, qua các bài đọc, tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên phát triển khả năng thực hành tiếng Anh, cụ thể sau:

- Các kỹ năng và chiến lược đọc hiểu ở trình độ cao cấp, các chiến lược làm bài đọc theo dạng thức IELTS: Suy luận; sắp xếp thông tin theo bảng biểu, hoàn thành bảng biểu, sơ đồ; dự đoán thông tin, xác định quan điểm, đọc để lấy thông tin chi tiết, đọc lấy ý chính, tóm tắt, v.v. . Đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm trong thiết kế những dạng bài đọc từ những tài liệu đáng tin cậy.

- Kiến thức văn hoá - xã hội thuộc các chủ đề quen thuộc: Du học, công việc, ăn uống, giao thông, hoạt động giải trí, công nghệ, môi trường và thông tin liên lạc.

- Cấu trúc ngữ pháp nâng cao và vốn từ vựng phong phú thuộc các chủ đề liên quan đến các chủ đề bài học.

25. Kỹ năng viết HP3 (C1.1)

Kỹ năng viết học phần 3 tương đương bậc 5/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (C1.1 Khung Châu Âu). Học phần này tập trung vào cách viết một bài luận theo dạng thức IELTS, bao gồm phần 1 (IELTS Task 1) và phần 2 (IELTS Task 2). Phần 1 yêu cầu sinh viên viết một bài báo cáo khoảng 150 từ miêu tả thông tin trong biểu đồ, các thành tố trong một quy trình, so sánh đối chiếu các dữ liệu trong bảng biểu. Phần 2 yêu cầu sinh viên viết một bài luận gồm 5 đoạn văn với số từ tối thiểu 250 từ để thảo luận một chủ đề xã hội thông thường, thuộc nhiều thể loại viết luận khác nhau như nguyên nhân/kết quả, tranh luận, hay phân loại. Những kiến thức ngôn ngữ như các loại mệnh đề, câu, dạng bị động, câu điều kiện, các cấu trúc động từ cũng được củng cố sau mỗi bài học.

26. Ngữ pháp tiếng Anh

Học phần Ngữ pháp tiếng Anh gồm 12 bài học, được chia thành 12 vấn đề nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các thành tố của ngữ pháp, các loại động từ và ngữ động từ, các loại danh từ, đại từ và ngữ danh từ cơ bản, các loại tính từ và trạng từ, giới từ và ngữ giới từ, câu đơn, bổ ngữ - liên từ phân biệt - từ nối, sự kết hợp của mệnh đề và phần chêm, liên kết trong câu, câu phức.

27. Ngữ nghĩa học

Học phần Ngữ nghĩa học được thiết kế dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý. Ngữ nghĩa học là một bộ phận thuộc ngôn ngữ học, nghiên cứu ngữ nghĩa ở các góc độ: Từ vựng, câu và phát ngôn. Về từ vựng, học phần nghiên cứu các kiểu từ có quan hệ về mặt ý nghĩa như từ đồng âm, từ đa nghĩa, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, nghĩa thay thế và nghĩa kết hợp, nghĩa bao hàm, nghĩa tổng thể - bộ phận; hiện tượng chuyển nghĩa trong loại từ ẩn dụ và hoán dụ. Về nghĩa của câu, bao gồm một số nội dung như tính chất ngữ pháp, khả năng chấp nhận được và tính chất có nghĩa của câu; nguyên tắc kết hợp trong phân tích nghĩa của câu; các thành tố của nghĩa của câu. Về ngữ nghĩa phát ngôn, học phần nghiên cứu một số thuật ngữ quan trọng trong phần ý nghĩa phát ngôn bao gồm ngữ cảnh và đồng văn bản; hành động tạo ngôn; lực ngôn trung và ngôn tác; phép suy diễn; hàm ngôn; quy chiếu và tình thái. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ nắm được bản chất, nguyên

tắc, đặc điểm của ý nghĩa trong ngôn ngữ; từ đó có thể sử dụng ngôn ngữ tốt hơn trong học tập và công việc sau này.

28. Ngữ dụng học

Học phần Ngữ dụng học giúp phát triển kiến thức cho sinh viên về dạng thức, ý nghĩa và cách sử dụng ngôn ngữ và các phép tắc diễn đạt ngôn ngữ nói và viết. Học phần còn giúp phát triển nhận thức và kiến thức về sự ảnh hưởng của ngữ cảnh đến việc sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh. Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về ngữ dụng tiếng Anh, một lĩnh vực có chung nhiều vấn đề với phân tích diễn ngôn và ngữ nghĩa tiếng Anh. Đồng thời, sẽ giúp sinh viên hiểu và vận dụng những khái niệm cơ bản như khái niệm và vai trò của ngữ cảnh, các ý nghĩa liên nhân, sở chỉ, tham chiếu, tiền giả định, hàm ngôn, thể diện và các chiến lược lịch sự âm tính và dương tính, các loại hành động ngôn ngữ và phân tích hội thoại.

29. Giao tiếp giao thoa văn hóa

Học phần Giao tiếp giao thoa văn hóa được thiết kế dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý. Học phần này gồm những nội dung chính nhằm giới thiệu cho sinh viên kiến thức khái quát về những hiểu biết về đất nước, con người, các giá trị và tư tưởng truyền thống, những nét văn hoá đặc sắc, các phong tục tập quán của nước Anh và Hoa Kỳ.

Học phần sẽ giúp sinh viên nắm bắt những khái niệm cơ bản của giao tiếp liên văn hóa như: Năng lực giao tiếp liên văn hóa, các mô hình văn hóa, bản vị và các khuynh hướng thiên lệch văn hóa, giao tiếp ngôn từ, giao tiếp phi ngôn từ, sốc văn hóa và sự thích nghi văn hóa,...

Sau khi học học phần này, sinh viên có cơ hội thụ đắc những kiến thức về chuyên ngành Giao tiếp liên văn hóa một cách có hệ thống, từ đó sinh viên có cái nhìn sâu sắc, toàn diện hơn với các hiện tượng giao tiếp nội văn hóa và liên văn hóa, hình thành thái độ phù hợp trước những tương đồng và khác biệt văn hóa và dần nâng cao năng lực giao tiếp nói chung và giao tiếp liên văn hóa nói riêng.

30. Kỹ năng nghe, nói nâng cao (C1.2)

Học phần Kỹ năng nghe, nói nâng cao bao gồm 8 đơn vị bài học về các chủ đề khác nhau nhằm tăng cường kỹ năng nói và nghe trong bài thi IELTS cho sinh viên. Hỗ trợ, tăng cường kiến thức cho sinh viên làm quen với kỹ năng làm bài thi IELTS, là một trong các tiêu chí đánh giá chuẩn đầu ra cho sinh viên ngành ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý tương đương bậc 5/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (C1.2 Khung Châu Âu). Học phần này gồm nhiều chủ đề nghe, nói khác nhau như: Cuộc sống xung quanh, về thế giới, nghệ thuật, bằng cấp xã hội, công nghệ và thiên nhiên,... nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức từ vựng, ngữ pháp, cấu trúc, cách phát âm để sinh viên có thể vận dụng vào luyện tập nói các chủ đề khác nhau trong bài thi IELTS.

31. Kỹ năng đọc, viết nâng cao (C1.2)

Học phần Kỹ năng đọc, viết nâng cao được thiết kế để tiếp tục bổ sung các kiến thức và kỹ năng đọc, viết cho sinh viên, giúp sinh viên mở rộng kiến thức và các dạng bài đọc, viết và có chiến lược làm các dạng bài đọc, viết tương đương bậc 5 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (C1.2 Khung Châu Âu). Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng đọc có phê phán các văn bản học thuật như: Phân biệt ý chính với ý phụ trợ, đoán nghĩa từ vựng theo ngữ cảnh văn bản, nhận diện thông tin hiển ngôn hay hàm ẩn, hiểu các liên kết logic của câu trong ngữ cảnh dựa trên các phương tiện liên kết; phát triển các kỹ năng viết các văn bản với các dạng viết điển hình như viết thư/email (khoảng 120 từ) và viết luận. Với dạng bài luận, học phần tập trung cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật viết theo dạng văn nghị luận, cách chọn lọc từ ngữ, cấu trúc ngữ pháp, cách phân tích và phát triển ý để viết luận một cách hiệu quả.

Ngoài ra, học phần này cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng đa dạng, yêu cầu sinh viên lựa chọn chiến lược làm bài phù hợp trong thời gian hạn định đối với cả kỹ năng đọc và kỹ năng viết theo các chủ đề cụ thể, giúp cho sinh viên có thể thích ứng với các dạng bài thi kiểm tra kỹ năng đọc, viết khác nhau.

32. Lý thuyết dịch

Học phần Lý thuyết dịch bao gồm 6 bài học, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về lý thuyết biên dịch và phiên dịch. Ba bài học đầu tiên xoay quanh các vấn đề về biên dịch: Tổng quan về biên dịch (khái niệm, tầm quan trọng, lịch sử, tính linh hoạt, các học thuyết về biên dịch); quá trình biên dịch và các phương pháp biên dịch; các chiến lược biên dịch. Ba bài học còn lại tập trung vào các vấn đề lý thuyết về phiên dịch: Khái niệm, quá trình phiên dịch, các phương pháp và kỹ năng phiên dịch và đạo đức nghề dịch. Sau khi học học phần này, sinh viên biết vận dụng các vấn đề lý thuyết đã học để thực hành dịch một cách hiệu quả.

33. Biên dịch 1

Học phần Biên dịch 1 trang bị và rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng biên dịch, kiến thức tổng quát và khái niệm cơ bản, đồng thời đưa ra một số thuật ngữ được sử dụng rộng rãi trong một số lĩnh vực như lý thuyết thực hành biên dịch, văn hóa, giáo dục và khảo thí ngôn ngữ, kinh tế, pháp luật trong nước và quốc tế giúp sinh viên có kiến thức và kỹ năng biên dịch ở mức độ cơ bản trong nghiên cứu, chính sách và thực tiễn.

Học phần này giúp sinh viên phát triển những kỹ năng dịch thuật cơ bản (từ Tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại) thông qua việc phân tích văn bản, tìm hiểu về các cấu trúc câu cơ bản trong tiếng Anh và phát hiện những sự khác biệt đặc thù của hai ngôn ngữ Anh - Việt khi chuyển dịch. Các bài khóa dựa trên các nguồn tư liệu thực tế và phân chia theo chủ đề nhằm cung cấp cho sinh viên một vốn kiến thức và từ vựng cơ bản để phát triển kỹ năng diễn đạt và chuyển mã ngôn ngữ đối với những vấn

đề đơn giản, mang tính phổ quát. Các bài thực hành dịch giúp sinh viên làm quen với các kỹ thuật dịch; thông thạo các bước cần thiết trong quá trình dịch như phân tích cấu trúc câu và từ ngữ; phát hiện các vấn đề trong quá trình dịch, đưa ra cách giải quyết vấn đề hoặc lựa chọn các phương pháp và kỹ thuật dịch phù hợp.

34. Biên dịch 2

Học phần Biên dịch 2 được thiết kế nhằm mục đích trang bị và rèn luyện cho sinh viên ngôn ngữ Anh các kỹ năng biên dịch và kiến thức nâng cao và khái niệm cơ bản, đồng thời đưa ra một số thuật ngữ được sử dụng rộng rãi trong một số lĩnh vực liên quan đến các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội và rèn luyện cho sinh viên kỹ năng biên dịch trong nghiên cứu, chính sách và thực tiễn.

Học phần này giúp phát triển và rèn luyện cho sinh viên nâng cao kỹ năng dịch thuật dựa trên khả năng phân tích bài khóa, giải quyết vấn đề trong quá trình dịch và đánh giá bản dịch. Các bài khóa dựa trên các nguồn tư liệu thực tế và phân chia theo chức năng với các loại văn bản khác nhau (expressive, informative và vocative). Các bài tập trang bị cho sinh viên kỹ thuật cơ bản trong quá trình dịch như phân tích bài khóa; phát hiện các vấn đề trong việc dịch bài khóa, đưa ra cách giải quyết vấn đề; lựa chọn các phương pháp và kỹ thuật dịch phù hợp. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên làm quen với phương pháp phê bình và đánh giá bản dịch nhằm giúp nâng cao chất lượng bản dịch cũng như trau dồi kỹ năng dịch của sinh viên.

35. Tiếng Anh pháp lý cơ bản 1

Học phần Tiếng Anh pháp lý cơ bản 1 cung cấp cho sinh viên thuật ngữ chuyên ngành tiếng Anh pháp lý ở cấp độ cơ bản 1 như tiếng Anh pháp lý là gì, pháp luật là gì, hình thái nhà nước, hệ thống pháp luật, nguồn luật, đào tạo luật của Việt Nam cũng như của một số nước trên thế giới để sinh viên có thể học chuyên sâu hơn ở những học phần tiếp theo. Từ đó, sinh viên có nền tảng kiến thức, kỹ năng tiếng Anh chuyên ngành để có thể tiếp cận học phần biên dịch, phiên dịch và các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh một cách dễ dàng, hiệu quả. Thông qua các bài tập thực hành của học phần, sinh viên được củng cố kiến thức về ngữ pháp và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thường dùng trong các văn bản pháp luật. Ngoài ra, học phần này còn rèn luyện cho sinh viên khả năng làm việc nhóm thông qua các bài thuyết trình trên lớp, khả năng tự học, tự nghiên cứu các kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh qua những phần kiến thức tự học.

36. Tiếng Anh pháp lý cơ bản 2

Học phần tiếng Anh pháp lý cơ bản 2 cung cấp cho sinh viên thuật ngữ chuyên ngành tiếng Anh pháp lý ở cấp độ cơ bản 2 để sinh viên có thể học chuyên sâu hơn ở những học phần tiếp theo về các tổ chức chính trị và xã hội, bộ máy Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, hệ thống Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân, thanh tra,... của Việt Nam cũng như của một số nước trên thế giới. Từ đó, sinh viên có nền tảng kiến thức, kỹ

năng tiếng Anh chuyên ngành để có thể tiếp cận học phần biên dịch, phiên dịch và các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh một cách dễ dàng, hiệu quả.

Thông qua các bài tập thực hành của học phần này, sinh viên được củng cố những kiến thức về ngữ pháp và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thường dùng trong các văn bản pháp luật. Ngoài ra, học phần này còn rèn luyện cho sinh viên khả năng làm việc nhóm thông qua các bài thuyết trình trên lớp, khả năng tự học, tự nghiên cứu các kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh qua những phần kiến thức tự học.

37. Tiếng Anh pháp lý cơ bản 3

Học phần Tiếng Anh pháp lý cơ bản 3 cung cấp cho sinh viên thuật ngữ chuyên ngành tiếng Anh pháp lý ở cấp độ cơ bản 3 để sinh viên có thể học chuyên sâu hơn ở những học phần tiếp theo như luật công và luật tư, thủ tục tố tụng, nghề luật của Việt Nam cũng như của một số nước trên thế giới. Từ đó, sinh viên có nền tảng kiến thức, kỹ năng tiếng Anh chuyên ngành để có thể tiếp cận học phần biên dịch, phiên dịch và các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh một cách dễ dàng, hiệu quả.

Thông qua các bài tập thực hành của học phần này, sinh viên được củng cố kiến thức về ngữ pháp và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thường dùng trong các văn bản pháp luật. Ngoài ra, học phần này còn rèn luyện cho sinh viên khả năng làm việc nhóm thông qua các bài thuyết trình trên lớp, khả năng tự học, tự nghiên cứu các kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh qua những phần kiến thức tự học.

38. Phiên dịch

Học phần Phiên dịch nhằm mục đích trang bị và rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng phiên dịch, khái niệm cơ bản và kiến thức nâng cao, đồng thời đưa ra một số thuật ngữ được sử dụng rộng rãi trong một số lĩnh vực liên quan đến các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phiên dịch trong nghiên cứu chính sách và thực tiễn.

Học phần này nhằm giúp sinh viên hiểu, phát triển sự tự tin trong phiên dịch, vận dụng những kỹ năng cơ bản của phiên dịch thuần thành thạo hơn, nâng cao khả năng nghe nói, dịch và diễn giải, đặc biệt kỹ năng thuyết trình và nói trước đám đông, làm quen với một số tình huống dịch thực tế và tiếp cận với nhiều hình thức sử dụng ngôn ngữ khác nhau trong dịch nói (formal or informal, conference or report, high level meeting), có khả năng xử lý hoặc biên tập các tài liệu, cứ liệu ngôn ngữ giúp cho việc phiên dịch hiệu quả hơn, trau dồi kiến thức tổng quát và vốn từ vựng trong nhiều lĩnh vực.

39. Biên dịch nâng cao

Học phần Biên dịch nâng cao được thiết kế nhằm mục đích tăng cường rèn luyện, nâng cao kỹ năng biên dịch cho sinh viên.

Học phần này giúp phát triển, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng, kỹ thuật dịch văn bản có nội dung chuyên sâu hơn thông qua sự hướng dẫn của giảng viên thực hành

dịch trên lớp và tự nghiên cứu. Sinh viên sẽ được tiếp cận với các loại văn bản hành chính và văn bản báo chí thuộc nhiều lĩnh vực về kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, pháp luật, từ đó phát triển vốn kiến thức và từ vựng chuyên ngành trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Thông qua học phần này, sinh viên được rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành dịch viết từ tiếng Anh sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng Anh; vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp dịch; xử lý được các vấn đề trong dịch thuật và hiệu đính bản dịch. Ngoài ra, sinh viên còn được tiếp cận với nhiều tình huống mô phỏng để thực hành biên dịch có yếu tố nước ngoài như các bài diễn thuyết do các diễn giả là người bản ngữ trình bày tại hội nghị, hội thảo, tọa đàm, cuộc tranh cử,...

40. Văn học Anh - Mỹ

Học phần Văn học Anh - Mỹ được thiết kế là học phần tự chọn, gồm 7 nội dung đề cập đến các thể loại văn học Anh, các giai đoạn văn học Mỹ và các tác giả tiêu biểu của văn học Anh, Mỹ.

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về các thể loại văn học Anh, các giai đoạn văn học Mỹ và các tác giả tiêu biểu của văn học Anh, Mỹ. Sau khi học tập, nghiên cứu học phần này, sinh viên có thể viết các bài phát biểu cảm nghĩ hoặc bài phân tích các tác phẩm văn học đã học. Đồng thời, học phần này cũng giúp sinh viên khám phá ngôn ngữ tiếng Anh được sử dụng trong các tác phẩm văn học.

41. Kỹ năng đàm phán

Học phần Kỹ năng đàm phán được thiết kế là học phần tự chọn, gồm các nội dung liên quan đến kỹ năng đàm phán. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về bản chất của đàm phán, vai trò của đàm phán trong công việc và cuộc sống; các bước của toàn bộ quá trình đàm phán; các kỹ năng cần thiết trong quá trình chuẩn bị đàm phán và tiến hành đàm phán; các vấn đề cần lưu ý khi đàm phán trong một số lĩnh vực (đàm phán quốc tế, đàm phán hợp đồng, đàm phán giải quyết tranh chấp). Ngoài ra, học phần này còn giúp sinh viên hiểu biết được những kinh nghiệm đàm phán thực tế của những nhà đàm phán nổi tiếng; rèn luyện các kỹ năng về cách thức chuẩn bị đàm phán; biết cách xây dựng đề án đàm phán; cách thức tiến hành đàm phán hiệu quả; xử lý được các vấn đề thường gặp trong thực tiễn đàm phán.

42. Tiếng Anh pháp lý nâng cao 1

Học phần tiếng Anh pháp lý nâng cao 1 cung cấp các thuật ngữ chuyên ngành tiếng Anh pháp lý ở cấp độ nâng cao 1 để sinh viên có thể học chuyên sâu hơn những học phần tiếp theo như nguyên tắc hiến pháp cơ bản, quyền con người, quyền công dân, luật hành chính, luật hình sự và tố tụng hình sự, luật dân sự và tố tụng dân sự, thi hành án dân sự,... của Việt Nam cũng như của một số nước trên thế giới. Từ đó, sinh viên có nền tảng kiến thức, kỹ năng tiếng Anh chuyên ngành để có thể tiếp cận học phần biên dịch, phiên dịch và các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh một cách dễ dàng, hiệu quả.

Học phần này cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngữ pháp và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Thông qua các bài tập thực hành, sinh viên được củng cố các kiến thức ngữ pháp nâng cao thường dùng trong các văn bản pháp luật; sinh viên được rèn luyện khả năng làm việc nhóm thông qua các bài thuyết trình trên lớp; khả năng tự học, tự nghiên cứu các kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh qua những phần kiến thức tự học.

43. Tiếng Anh pháp lý nâng cao 2

Học phần tiếng Anh pháp lý nâng cao 2 cung cấp các thuật ngữ chuyên ngành tiếng Anh pháp lý ở cấp độ nâng cao 2 để sinh viên có thể học chuyên sâu hơn ở những học phần tiếp theo như luật hợp đồng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, luật doanh nghiệp,... của Việt Nam cũng như của một số nước trên thế giới. Từ đó, sinh viên có nền tảng kiến thức, kỹ năng tiếng Anh chuyên ngành để có thể tiếp cận học phần biên dịch, phiên dịch và các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh một cách dễ dàng, hiệu quả.

Học phần này còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngữ pháp và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Thông qua các bài tập thực hành, sinh viên được củng cố các kiến thức ngữ pháp nâng cao thường dùng trong các văn bản pháp luật; sinh viên được rèn luyện khả năng làm việc nhóm thông qua các bài thuyết trình trên lớp; khả năng tự học, tự nghiên cứu các kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh qua những phần kiến thức tự học.

44. Tiếng Anh pháp lý nâng cao 3

Học phần Tiếng Anh pháp lý nâng cao 3 cung cấp các thuật ngữ chuyên ngành tiếng Anh pháp lý ở cấp độ nâng cao 3 để sinh viên có thể học chuyên sâu hơn ở những học phần tiếp theo như luật quốc tế, luật đất đai, luật đầu tư, luật thuế,... của Việt Nam cũng như của một số nước trên thế giới. Từ đó, sinh viên có nền tảng kiến thức, kỹ năng tiếng Anh chuyên ngành để có thể tiếp cận học phần biên dịch, phiên dịch và các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh một cách dễ dàng, hiệu quả.

Học phần này còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngữ pháp và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Thông qua các bài tập thực hành, sinh viên được củng cố các kiến thức ngữ pháp nâng cao thường dùng trong các văn bản pháp luật; sinh viên được rèn luyện khả năng làm việc nhóm thông qua các bài thuyết trình trên lớp, khả năng tự học, tự nghiên cứu các kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh qua những phần kiến thức tự học.

45. Ngữ dụng học nâng cao

Học phần Ngữ dụng học nâng cao trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ - diễn ngôn trong sử dụng ở cả dạng nói và dạng viết, qua đó giúp sinh viên nắm được các đặc điểm cốt lõi của quá trình tạo lập ngôn bản và quá trình thuyết giải ngôn bản cũng như vai trò của các sản phẩm ngôn ngữ trong giao tiếp. Với mục tiêu đó, học phần này tập trung vào các nội dung chủ yếu: Đối tượng nghiên cứu của phân

tích ngôn ngữ - diễn ngôn, liên kết, ngữ cảnh và vai trò của ngữ cảnh trong thuyết giải ngôn ngữ - diễn ngôn, đường hướng dụng học đối với phân tích ngôn ngữ - diễn ngôn, hành động ngôn từ, chủ đề và sự biểu hiện nội dung ngôn ngữ - diễn ngôn, sự biểu hiện cấu trúc diễn ngôn, việc sử dụng kiến thức nền trong thuyết giải diễn ngôn, mô hình phân tích ngôn ngữ - diễn ngôn.

46. Ngoại ngữ 2 (A1)

Học phần Ngoại ngữ 2 được thiết kế dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh pháp lý. Sinh viên được lựa chọn một trong ba ngoại ngữ: Tiếng Nga, tiếng Pháp hoặc tiếng Trung để hoàn thành học phần tự chọn này. Học phần Ngoại ngữ 2 bao gồm nội dung thực hành 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và các vấn đề ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm để trang bị kiến thức ngôn ngữ bậc 1/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (A1 Khung Châu Âu) cho sinh viên hiểu và so sánh được giữa các nền văn hoá với nhau.

47. Pháp luật đại cương (Lý luận về nhà nước và pháp luật)

Học phần Pháp luật đại cương (Lý luận về nhà nước và pháp luật) là học phần cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về tất cả những vấn đề của nhà nước và pháp luật. Nội dung chủ yếu của học phần này gồm các vấn đề: nguồn gốc, bản chất, chức năng, bộ máy, hình thức của nhà nước; nhà nước trong hệ thống chính trị; nhà nước pháp quyền; nguồn gốc, bản chất, vai trò, hình thức, nguồn của pháp luật; quy phạm pháp luật; hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; ý thức pháp luật.

48. Luật thương mại quốc tế

Học phần Luật thương mại quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật thương mại quốc tế với hai nội dung chính gồm: Luật thương mại quốc tế giữa các quốc gia và luật thương mại quốc tế giữa các thương nhân, như (1) Khái niệm giao dịch thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế; (2) Các nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ; (3) Thương mại hàng hoá và các hiệp định của WTO; (4) Thương mại dịch vụ và GATS; (5) Quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPs; (6) Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO; (7) Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; (8) Pháp luật về thanh toán quốc tế; và (9) Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân.

49. Fundamental civil rights in the modern world (Quyền dân sự cơ bản của người dân trong thế giới hiện đại)

Học phần Quyền dân sự cơ bản của người dân trong thế giới hiện đại được giảng dạy và học tập bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt. Học phần này tập trung nghiên cứu quyền bình đẳng và quyền tiếp cận công lý - hai quyền công dân quan trọng nhất, ở bốn quốc gia: Hoa Kỳ, Úc, Pháp và Nhật Bản từ góc độ so sánh.

50. Legal reasoning and legal writing for legal professionals (Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật)

Học phần Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật được giảng dạy và học tập bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt. Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật là học phần về phương pháp luận pháp lý, cung cấp cho sinh viên kiến thức về các phương pháp lập luận và viết pháp lý hiện đại, đồng thời đào tạo cho sinh viên khả năng vận dụng các phương pháp đó trong các tình huống thực tiễn pháp lý. Sinh viên sẽ được làm việc với các trường hợp thực tế và trong vai trò giống như luật sư.

51. WTO law (Luật WTO)

Học phần Luật WTO là môn khoa học pháp lý cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật của Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Đây là nền tảng để sinh viên có thể tiếp tục nghiên cứu các học phần khác, như: Pháp luật điều chỉnh thương mại hàng hóa quốc tế; pháp luật điều chỉnh thương mại dịch vụ quốc tế; quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động thương mại quốc tế của doanh nghiệp; luật đầu tư quốc tế; các biện pháp khắc phục thương mại theo quy định của WTO. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức thiết yếu, từ đó có thể tiếp tục tự nghiên cứu, đề ra các giải pháp để góp phần hiệu quả vào việc thực thi cam kết của Việt Nam trong WTO. Học phần này được giảng dạy và học tập bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt.

52. Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng

Kỹ năng soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng là học phần có tính ứng dụng, cung cấp những kiến thức cơ bản về văn bản hành chính thông dụng từ khái niệm, yêu cầu, chức năng... và kỹ năng soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng điển hình trong những tình huống cụ thể.

Học phần gồm 2 phần: (1) Phần lí thuyết tập trung giới thiệu một số nội dung cơ bản về văn bản hành chính thông dụng, kỹ năng soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng điển hình như: Công văn, tờ trình, báo cáo, biên bản, thông báo, nội quy, quy chế, đề án, kế hoạch... (2) Phần thực hành: Trên cơ sở lí thuyết được giới thiệu, sinh viên vận dụng và soạn thảo văn bản hành chính thông dụng để giải quyết các tình huống cụ thể.

53. Comparative law (Luật học so sánh)

Học phần Luật học so sánh được giảng dạy và học tập bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới thông qua phương pháp tiếp cận so sánh luật.

Học phần gồm hai nhóm vấn đề chính: (1) Lí luận chung về luật học so sánh; (2) Các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới và một số chế định pháp luật đặc thù của những hệ thống pháp luật điển hình.

54. Comparative contract law (Luật hợp đồng so sánh)

Học phần Luật hợp đồng so sánh được giảng dạy và học tập bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về luật hợp đồng của các quốc gia khác nhau xuất phát từ hai truyền thống pháp luật lớn trên thế giới (Dân luật và Thông luật) sử dụng phương pháp so sánh.

Học phần gồm hai phần: (1) Phần chung đề cập đến các nguyên tắc cơ bản của Luật hợp đồng so sánh; (2) Phần riêng giải quyết các vấn đề từ khi hình thành đến khi chấm dứt hợp đồng.

55. Luật dân sự 1

Học phần Luật dân sự 1 giới thiệu cho sinh viên các vấn đề chung của Luật dân sự gồm: Hệ thống các khái niệm về đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự; về đặc điểm, nguyên tắc của quan hệ pháp luật dân sự; về chủ thể, khách thể, về các căn cứ phát sinh, về nội dung của các quan hệ tài sản và nhân thân; về thay đổi, chấm dứt các quan hệ pháp luật dân sự cụ thể thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự. Nghiên cứu khái quát về phần các quy định chung trong Bộ luật Dân sự như tài sản, giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu, đại diện; nghiên cứu về căn cứ xác lập, thực hiện và chấm dứt quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản; nghiên cứu quy định chung về thừa kế, thừa kế theo di chúc, thừa kế theo pháp luật, thanh toán và phân chia di sản.

56. Luật hình sự 1

Luật hình sự 1 (phần chung) là học phần chuyên ngành quan trọng nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức lí luận cơ bản về tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt là cơ sở khoa học để giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn. / *ĐVT*

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

 Đoàn Trung Kiên